

Bản án số: 48/2017/HSST
Ngày: 19/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giàng A Chỉnh

2. Ông Lò Văn Sung

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2017 tại N2, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2017/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/HSST - QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo.

Vàng Văn D (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1993 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu; Số CMND: 045195240; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Vàng Văn P, sinh năm 1963 và bà Lý Thị K1, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ: Lý Thị K2, sinh năm 1998; Con: Có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2017, tạm giam từ ngày 08/6/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981 - Trú tại: Tổ 9, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1985 - Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

2. Chị Lý Thị K2, sinh năm 1998 - Trú tại: Bản C, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1978 - Trú tại: N3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

2. Chị Trần Thị C, sinh năm 1973 - Trú tại: N3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

3. Anh Lê Doãn T, sinh năm 1979 - Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 04/6/2017, Vàng Văn D đi xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 25B1-18236 từ nhà tại bản C, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu xuống thành phố L. Khoảng 17 giờ 55 phút cùng ngày, khi D đang đi trên đường N thuộc bản N3, phường Q, thành phố L, hướng từ phường Q đi huyện P thì phát hiện phía bên tay trái có chị Phạm Thị C sinh năm 1981, trú tại tổ 9, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu đang ngồi ghi số trên hành lang vỉa hè. D liền dừng xe, tắt máy và hỏi chị C “có ghi lô tô không”, chị C trả lời “không ghi nữa, chốt sổ rồi” đồng thời chị C dùng tay trái đặt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 màu vàng, đen xuống bàn thì ngay lập tức D dùng tay trái giật mạnh được chiếc điện thoại trên rồi nổ máy, điều khiển xe máy đi về hướng huyện P, tỉnh Lai Châu. Cùng lúc đó, chị C hô “cướp, cướp” có anh Vũ Văn T, sinh năm 1978 và chị Trần Thị C, sinh năm 1973 cùng trú tại N3, phường Q, thành phố L là những người nghe thấy tiếng hô trên của chị Phạm Thị C. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, D mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại H, địa chỉ thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu bán cho chị Trần Thị T, sinh năm 1985 (chủ quán) với giá 1.300.000 đồng, việc mua bán này có anh Lê Doãn T, sinh năm 1979 (chồng chị Trần Thị T) chứng kiến. Số tiền có được từ việc bán chiếc điện thoại, D đã tiêu dùng cá nhân hết 890.000 đồng, còn lại 410.000 đồng. Cùng ngày, D bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu thu giữ 01 điện thoại di động FPT màu xanh, có số IMEL1: 980038007511235, IMEL2: 980038007531738, 01 xe máy nêu trên và số tiền 410.000 đồng; thu giữ của chị Trần Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 màu vàng, đen, số IMEL 1: 356825071579593, số IMEL 2: 356850071579591. Đến ngày 06/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu thu giữ 01 đăng ký xe máy trên mang tên Vàng Văn D.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vàng Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vàng Văn D khai nhận: 01 điện thoại di động FPT màu xanh, có số IMEL1: 980038007511235, IMEL2: 980038007531738, đã qua sử dụng là của bị cáo; còn số tiền 410.000 đồng là tiền còn lại do bị cáo bán điện thoại cho chị Trần Thị T mà có.

Người bị hại là chị Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra chị C trình bày: Thời gian, địa điểm và đặc điểm chiếc điện thoại di động của chị bị cướp giật phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K2 (vợ bị cáo Vàng Văn D) có mặt tại phiên tòa trình bày: Chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển kiểm soát 25B1-18236, xe đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mang tên Vàng Văn D là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo sử dụng chiếc xe máy trên vào việc phạm tội chị không biết. Lời khai của chị phù hợp với lời khai của bị cáo Vàng Văn D tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra chị T trình bày: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/6/2017 chị có mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 màu vàng, đen của bị cáo Vàng Văn D với giá 1.300.000 đồng nhưng chị không biết đó là tài sản do bị cáo D phạm tội mà có nên hành vi của chị T không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại chị Phạm Thị C là 1.000.000 đồng và chị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 410.000 đồng (là số tiền còn lại sau khi bị cáo bán điện thoại cho chị T), chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 890.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG ngày 13/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 màu vàng, đen. Số IMEL 1: 356825071579593, số IMEL 2: 356850071579591, đã qua sử dụng còn lại khoảng 60% giá trị sử dụng, có giá trị còn lại là 6.594.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 33/KSĐT - SH ngày 08/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu đã truy tố bị cáo Vàng Văn D về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vàng Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng Văn D từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2017. Áp dụng khoản 5 điều 136 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự: Trả lại cho chị Lý Thị K2 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu trắng xám, biển kiểm soát 25B1-18236, xe đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mang tên Vàng Văn D; Trả lại cho bị cáo Vàng Văn D 01 điện thoại di động FPT màu xanh, có số IMEL1: 980038007511235, IMEL2: 980038007531738, đã qua sử dụng. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự: Trả lại cho chị Trần Thị T 410.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K2 không yêu cầu bị cáo bồi

thường, chị Trần Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 890.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vào khoảng 17 giờ 55 phút ngày 04/6/2017, tại hành lang vỉa hè đường N thuộc bản N3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Vàng Văn D đã có hành vi giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 của chị Phạm Thị C có giá trị là 6.594.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tiêu dùng cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Vàng Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Vàng Văn D có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội. Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là 1.000.000 đồng và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét

thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A7 màu vàng, đen, số IMEL 1: 356825071579593, số IMEL 2: 356850071579591 là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị C, ngày 12/6/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị C nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- 01 điện thoại di động FPT màu xanh, có số IMEL1: 980038007511235, IMEL2: 980038007531738, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự.

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu trắng xám, biển kiểm soát 25B1-18236, xe đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mang tên Vàng Văn D là tài sản hợp pháp thuộc sở hữu chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo sử dụng chiếc xe máy trên vào việc phạm tội vợ bị cáo là chị Lý Thị K2 không biết nên cần trả lại cho chị K2 theo Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Số tiền 410.000 đồng là tiền hợp pháp của chị Trần Thị T nên cần trả lại cho chị T theo điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phạm Thị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, chị Trần Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn thiếu là 890.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 890.000 đồng (trong tổng số tiền 1.300.000 đồng) là tiền do bị cáo bán chiếc điện thoại cho chị Trần Thị T mà có, bị cáo đã tiêu dùng cá nhân hết, chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này, lẽ ra phải truy thu sung quỹ Nhà nước nhưng do điều kiện kinh tế của bị cáo còn khó khăn, không có khả năng thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không truy thu số tiền này đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Vàng Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản" .

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng Văn D 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2017.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự:
+ Trả lại cho bị cáo Vàng Văn D 01 điện thoại di động FPT màu xanh, có số IMEL1: 980038007511235, IMEL2: 980038007531738, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho chị Lý Thị K2 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu trắng xám, biển kiểm soát 25B1-18236, xe đã qua sử dụng và 01 đăng ký xe mang tên Vàng Văn D.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự: Trả lại cho chị Trần Thị T 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào **hồi 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2017** giữa Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu).

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Công an thành phố Lai Châu;
- Chi cục THA thành phố Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương